

Chạy được 1...  
Chỉ đạo thực hiện  
các quy định

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN  
TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 165/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2008

28. A.08

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu  
trong ngành Kiểm sát nhân dân

### VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

- Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2002;
- Căn cứ Pháp lệnh lưu trữ quốc gia năm 2001;
- Căn cứ Nghị định 111/2004/NĐ-CP, ngày 08/4/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Lưu trữ quốc gia năm 2001;
- Xét đề nghị của ông Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu trong ngành Kiểm sát nhân dân.

**Điều 2.** Thời hạn bảo quản ứng với mỗi loại hồ sơ, tài liệu được quy định theo số năm cụ thể hoặc chia làm 03 loại:

**Vĩnh viễn:** Là thời gian được giữ vĩnh viễn đến khi hồ sơ, tài liệu bị hủy hoại hoặc không còn phục hồi được nữa, áp dụng cho loại hồ sơ, tài liệu quan trọng phục vụ lâu dài cho hoạt động của cơ quan, đơn vị và có ý nghĩa gia trị về mặt lịch sử.

**Lâu dài:** Là thời gian bảo quản từ 10 năm trở lên, áp dụng cho loại hồ sơ, tài liệu quan trọng, phục vụ lâu dài cho hoạt động của cơ quan, đơn vị nhưng không có ý nghĩa lịch sử.

**Tạm thời:** Là thời gian bảo quản dưới 10 năm, áp dụng cho loại hồ sơ, tài liệu không quan trọng, phục vụ cho hoạt động hàng ngày của cơ quan, đơn vị.

Thời điểm tính thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu được tính từ ngày 01 tháng 01 năm ngay sau năm kết thúc ở giai đoạn văn thư.

Thời điểm tính thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu Kế toán - Tài chính được thực hiện theo Điều 41 của Nghị định số 128/2004/NĐ-CP, ngày

31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán Nhà nước.

Thời điểm tính thời hạn bảo quản hồ sơ xây dựng cơ bản được tính từ ngày công trình được đưa vào sử dụng và thời hạn bảo quản của hồ sơ theo tuổi thọ của công trình.

Đối với các loại hồ sơ, tài liệu trong Bảng thời hạn bảo quản có ghi sau: 5, 10, 15, 20, 30... năm đánh giá lại thì sau mốc thời gian đó, phải tiến hành đưa hồ sơ, tài liệu ra Hội đồng xác định giá trị hồ sơ, tài liệu đánh giá lại vì những hồ sơ, tài liệu đó khi hết thời gian bảo quản theo quy định nhưng có thể vẫn còn giá trị thực tiễn khoa học và lịch sử cần tiếp tục bảo quản. Những tài liệu hết giá trị đưa ra khỏi kho hồ sơ và lập Hội đồng tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Các ông, bà Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những văn bản quy định trước đây trái với những quy định trong Quyết định này đều bãi bỏ./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Viện;
- VKSQS TW;
- Lưu VT, LT, VP.



VIỆN TRƯỞNG

Trần Quốc Vương

Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu lưu trữ trong  
ngành Kiểm sát nhân dân  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 165/QĐ-VKSTC, ngày 14/4/2008  
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

SỐ TT	TÊN HỒ SƠ, TÀI LIỆU	THỜI HẠN BẢO QUẢN	GHI CHÚ
<b>Mục A</b> Hồ sơ, tài liệu quản lý chung của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và các đơn vị trực thuộc:			
<i>I. Hồ sơ, tài liệu tổng hợp</i>			
1	Hồ sơ, tài liệu văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Nhà nước: - Liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành và các đơn vị trực thuộc VKSNDTC - Không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ nhưng phải thực hiện, thi hành.	Vĩnh viễn (Lưu tại đơn vị chức năng cho đến khi văn bản hết hiệu lực).	
2	Hồ sơ xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực hình sự và hoạt động tư pháp v.v. thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của ngành KSND trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, hoặc VKNDSTC ban hành hay chủ trì liên ngành ban hành: - VKSNDTC hoặc các đơn vị thuộc VKSNDTC chủ trì soạn thảo. - VKSNDTC hoặc các đơn vị thuộc VKSNDTC tham gia ý kiến.	Vĩnh viễn  5 năm	

3	<p>Hồ sơ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, Ban, Ngành TW gửi đến VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc VKSNDTC lấy ý kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Liên quan đến chức năng, nhiệm vụ kiểm sát hoặc liên quan lĩnh vực do VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc quản lý.</li> <li>- Không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ.</li> </ul>	<p>Lâu dài</p> <p>5 năm</p>	
4	<p>Hồ sơ dự thảo luật tổ chức Viện kiểm sát và pháp lệnh kiểm sát viên kèm theo tờ trình Quốc hội và được Quốc hội thông qua.</p>	<p>Vĩnh viễn</p>	
5	<p>Hồ sơ, tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc VKSNDTC.</p>	<p>Vĩnh viễn</p>	
X6	<p>Báo cáo tổng kết, sơ kết công tác trên các lĩnh vực hoạt động của ngành Kiểm sát, của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm và nhiều năm.</li> <li>- 6 tháng, tháng.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>05 năm</p>	
X7	<p>Hồ sơ hội nghị tổng kết, sơ kết công tác của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiều năm và Hàng năm:</li> <li>- Đơn vị chủ trì.</li> <li>- Đơn vị tham gia.</li> <li>- 6 tháng.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>5 năm</p> <p>5 năm</p>	
X8	<p>Hồ sơ Hội nghị tổng kết các công tác nhân dịp các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại của VKSNDTC, các đơn vị trực thuộc và VKSND các cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị chủ trì.</li> <li>- Đơn vị tham dự.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>5 năm</p>	
9	<p>Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của Viện trưởng VKSNDTC là thành viên các Ban của Đảng, Chính phủ (Ban cải cách tư pháp, Ban phòng chống tham nhũng...): như Báo cáo, Bản giải trình thực hiện trước Quốc hội, Ban bí</p>	<p>Vĩnh viễn</p>	

	thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ công tác kiểm sát và các vấn đề được giao phụ trách.		
10	Sổ ghi biên bản các cuộc họp giao ban của Lãnh đạo Viện, họp Ủy ban kiểm sát; báo cáo án và duyệt án của các đơn vị trực thuộc. (Hồ sơ, tài liệu Ban cán sự Đảng, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban cán sự.)	Vĩnh viễn  (Nộp lưu theo quy định của Cục lưu trữ Trung ương Đảng)	
<b>II. Hồ sơ, tài liệu quy hoạch, kế hoạch, thống kê.</b>			
11	Hồ sơ chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quy hoạch, kế hoạch và thống kê trong toàn ngành. - Đơn vị chủ trì soạn thảo. - Đơn vị thực hiện.	Vĩnh viễn 15 năm	
12	Hồ sơ xây dựng đề án quy hoạch phát triển ngành.	Vĩnh viễn	
13	Hồ sơ xây dựng thực hiện các đề án, chương trình mục tiêu của cơ quan, ngành.	Vĩnh viễn	
14	Hồ sơ, tài liệu chỉ tiêu, kế hoạch, quy hoạch tổng hợp dài hạn, hàng năm (chính thức, bổ sung, điều chỉnh) và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc, VKSND tỉnh, thành phố VKS quận, huyện, thị.	Vĩnh viễn	
15	Hồ sơ tài liệu tổng hợp thực hiện chỉ tiêu kế hoạch của các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Vĩnh viễn	
16	Hồ sơ, tài liệu quy định về các biểu mẫu thống kê, báo cáo thống kê cơ quan và ngành.	Vĩnh viễn	
17	Báo cáo thống kê tổng hợp hàng năm, thống kê chuyên đề của Viện kiểm sát nhân dân các cấp. - Hàng năm và nhiều năm. - 6 tháng.	Vĩnh viễn 10 năm	

18	Hồ sơ, tài liệu về điều tra cơ bản hàng năm và nhiều năm của cơ quan và ngành.	Vĩnh viễn	
19	Hồ sơ hội nghị về công tác quy hoạch, kế hoạch, thống kê của ngành hàng năm và nhiều năm: - Đơn vị chủ trì. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 10 năm	
20	Công văn trao đổi về công tác kế hoạch, dự toán.....thống kê.	05 năm	
<b>III. Hồ sơ, tài liệu về tổ chức, cán bộ.</b>			
21	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành về công tác tổ chức, cán bộ và đào tạo: - Không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của ngành và các đơn vị trực thuộc nhưng phải thực hiện. - Để biết.	Lưu tại đơn vị chức năng đến khi hết hiệu lực  5 năm	
22	Văn bản chỉ đạo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các đơn vị trực thuộc về triển khai công tác tổ chức, cán bộ và đào tạo: - Đơn vị ban hành. - Đơn vị thực hiện.	Vĩnh viễn 20 năm	
23	Hồ sơ xây dựng đề án tổ chức của ngành.	Vĩnh viễn	
24	Hồ sơ xây dựng đề án tổ chức chuyên ngành của các đơn vị trực thuộc VKSNDTC.	Vĩnh viễn	
25	Sơ đồ hệ thống tổ chức bộ máy của ngành, cơ quan.	Vĩnh viễn	
26	Hồ sơ xây dựng quy chế làm việc của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.	Vĩnh viễn	
27	Hồ sơ, tài liệu về thành lập, đổi tên, thay đổi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc.	Vĩnh viễn	
28	Hồ sơ, tài liệu về hợp nhất, sáp nhập, giải thể VKSND các cấp.	Vĩnh viễn	
29	Đề án quy hoạch cán bộ của VKSND các cấp.	Vĩnh viễn	

30	Hồ sơ xây dựng chức danh, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức ngành Kiểm sát nhân dân.	Vĩnh viễn	
31	Hồ sơ về việc phê duyệt và áp dụng chức danh công chức của ngành KSND.	Vĩnh viễn	
32	Báo cáo thống kê số lượng, chất lượng cán bộ, công chức hàng năm, nhiều năm của ngành, cơ quan.	Vĩnh viễn	
33	Hồ sơ, tài liệu gốc của từng cán bộ, công chức VKSND các cấp.	75 năm	
34	Các hồ sơ nhân sự điển hình: Anh hùng, chiến sỹ thi đua toàn quốc, cán bộ cao cấp do Trung ương quản lý, cán bộ đầu ngành của địa phương do cấp Ủy địa phương quản lý.	Vĩnh viễn	
35	Hồ sơ, tài liệu thực hiện chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức ngành Kiểm sát (phụ cấp ưu đãi, phụ cấp độc hại, phụ cấp đặc thù của ngành).	40 năm	
36	Hồ sơ xây dựng đề án quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ngành kiểm sát.	Vĩnh viễn	
37	Hồ sơ, tài liệu các lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức ngành kiểm sát.	40 năm	
38	Báo cáo về công tác tổ chức, đào tạo bồi dưỡng cán bộ của ngành Kiểm sát: - Nhiều năm, hàng năm - 6 tháng	Vĩnh viễn 15 năm	
39	Hồ sơ, tài liệu thi tuyển nâng ngạch, chuyển ngạch hàng năm của Viện kiểm sát các cấp.	Vĩnh viễn	
40	Hồ sơ, tài liệu quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ của trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát và của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.	Vĩnh viễn	
41	Chỉ tiêu biên chế, báo cáo tình hình thực hiện chỉ tiêu biên chế hàng năm của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.	Vĩnh viễn	
42	Báo cáo thống kê lao động, tiền lương hàng	Vĩnh viễn	

	năm của Viện kiểm sát nhân dân các cấp.		
43	Hồ sơ xây dựng ban hành quy chế bảo vệ chính trị nội bộ và danh mục bí mật nhà nước của ngành KS.	Vĩnh viễn	
44	Báo cáo tổng kết công tác bảo vệ chính trị nội bộ hàng năm của VKSND các cấp.	Vĩnh viễn	
45	Hồ sơ, tài liệu về các vụ việc chính trị hoặc hình sự trong nội bộ của VKSND các cấp.	50 năm	
46	Công văn trao đổi về công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo và lao động tiền lương.	10 năm	
<b>IV. Hồ sơ, tài liệu tài chính - Kế toán.</b>			
47	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác tài chính, kế toán trong nội bộ Viện kiểm sát nhân dân các cấp: - Đơn vị ban hành. - Đơn vị thực hiện.	Vĩnh viễn 20 năm	
48	Hồ sơ về xây dựng chế độ (quy định) về tài chính, kế toán trong nội bộ ngành KS.	40 năm	
49	Hồ sơ xây dựng dự án thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của VKS các cấp.	40 năm	
50	Hồ sơ tổ chức thực hiện thu chi ngân sách nhà nước hàng năm của VKS các cấp; Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch thực hiện, báo cáo tình hình kế hoạch thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước.	Vĩnh viễn	
51	Hồ sơ, tài liệu về phê duyệt phân bổ ngân sách nhà nước của VKSNDTC cho VKS nhân dân các cấp và các đơn vị trực thuộc VKSNDTC.	50 năm	
52	Hồ sơ phê duyệt quyết toán thu chi ngân sách hàng năm của VKSND các cấp và các đơn vị thuộc VKSNDTC; Báo cáo quyết toán tài chính kèm theo thuyết minh, biên bản thẩm tra báo cáo tài chính và thông báo phê duyệt quyết toán.	Vĩnh viễn	
53	Báo cáo tài chính của VKS các cấp: - Hàng năm.	Vĩnh viễn	



	- 6 tháng.	10 năm	
54	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách, chế độ tài chính, kế toán tại cơ quan VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
55	Sổ sách kế toán các loại hàng năm.	40 năm	
56	Chứng từ kế toán sử dụng trực tiếp để ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.	10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
57	Tài liệu kế toán liên quan đến thanh lý tài sản cố định.	10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
58	Tài liệu kế toán và báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của ban quản lý dự án.	10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
59	Tài liệu kế toán liên quan đến thành lập, chia tách, sát nhập, chấm dứt hoạt động của đơn vị kế toán.	10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
60	Hồ sơ, tài liệu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan kiểm toán nhà nước tại VKSND các cấp theo yêu cầu của Quốc hội.	10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
61	Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cố định định kỳ hàng năm và đột xuất của VKS các cấp.	40 năm	
62	Hồ sơ về chuyển nhượng, bàn giao tài sản của VKS các cấp: - Tài sản là bất động sản. - Tài sản là động sản.	40 năm 10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
63	Tài liệu kế toán dùng cho quản lý điều hành thường xuyên của cơ quan, đơn vị nhưng không sử dụng trực tiếp ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.	5 năm	
64	Công văn trao đổi về công tác tài chính, kế toán.	10 năm	
65	Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất nhập kho không lưu ở tập chứng từ kế toán.	10 năm	
<b>V. Hồ sơ, tài liệu về công tác xây dựng cơ bản.</b>			
66	Các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân về công tác xây dựng cơ bản mà VKS các cấp phải	Lưu tại đơn vị chức năng đến khi hết hiệu lực.	

	thực hiện (không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ).		
67	Kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch khối lượng và vốn đầu tư XD/CB dài hạn và hàng năm của VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
68	Hồ sơ các công trình xây dựng cơ bản có giá trị lớn của VKS các cấp: - Hồ sơ ban đầu: hồ sơ dự toán, hồ sơ pháp lý (các quyết định phê duyệt, cấp đất, giấy phép xây dựng....). - Hồ sơ trúng thầu. - Hồ sơ khảo sát thiết kế, thẩm định. - Hồ sơ thi công, hồ sơ hoàn công. - Nhật ký công trình.	Vĩnh viễn  50 năm Vĩnh viễn Vĩnh viễn 50 năm	
69	Hồ sơ các công trình xây dựng cơ bản khác của VKS các cấp: các văn bản pháp lý có liên quan; bản vẽ thiết kế kiến trúc, bản vẽ tổng thể mặt bằng, bản vẽ hoàn công, các bản vẽ khác.	Thời hạn bảo quản theo tuổi thọ công trình.	
70	Hồ sơ tài liệu về mua bán, chuyển nhượng, thuê nhà cửa, trụ sở, kho tàng của VKS các cấp; các văn bản pháp lý có liên quan; bản vẽ thiết kế kiến trúc, bản vẽ tổng thể mặt bằng, bản vẽ hoàn công, các bản vẽ khác.	Thời hạn bảo quản theo tuổi thọ công trình.	
71	Hồ sơ tài liệu về công tác xây dựng, sửa chữa nhỏ hàng năm của VKS các cấp.	10 năm	Sau 10 năm đánh giá lại
72	Công văn trao đổi về công tác đầu tư xây dựng cơ bản.	10 năm	
<b>VI. Hồ sơ, tài liệu về nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin.</b>			
73	Các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban nhân dân, các Bộ, Ngành về công tác hoạt động khoa học, công nghệ: - Không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của VKS nhưng phải thực hiện. - Để biết.	Lưu tại đơn vị chức năng đến khi hết hiệu lực 5 năm	
74	Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của		

	VKSNDTC về triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực hoạt động của VKS các cấp: - Đơn vị chủ trì. - Đơn vị thực hiện.	Vĩnh viễn lưu tại đơn vị chức năng đến khi hết hiệu lực	
75	Hồ sơ xây dựng quy chế hoạt động khoa học, công nghệ của VKS các cấp.	50 năm	
76	Hồ sơ, tài liệu về dự báo chiến lược khoa học, công nghệ của VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
77	Kế hoạch và báo cáo hoạt động khoa học công nghệ của VKS các cấp: - Hàng năm, nhiều năm. - 6 tháng.	Vĩnh viễn 10 năm	
78	Hồ sơ nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học, công nghệ của VKS các cấp gồm: - Đề cương nghiên cứu kèm theo thuyết minh; quyết định phê duyệt và cấp mã số cho đề tài; hợp đồng nghiên cứu khoa học; báo cáo điều tra, khảo sát; báo cáo kết quả nghiên cứu; biên bản hội thảo hoặc đóng góp ý kiến; biên bản thử nghiệm, kiểm nghiệm (nếu có); quyết định thành lập Hội đồng nghiệm thu; bản nhận xét đánh giá của các phân biên. - Đề tài cấp Nhà nước. - Đề tài cấp ngành.	Vĩnh viễn 50 năm	
79	Báo cáo tham luận của VKS các cấp tại các cuộc hội thảo trong, ngoài nước về công tác khoa học, công nghệ: - Đơn vị soạn thảo. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 10 năm	
80	Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của Hội đồng khoa học VKS các cấp; Chuyên đề nghiệp vụ của các đơn vị trực thuộc VKSTC và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Quyết định thành lập Hội đồng và các biên bản họp Hội đồng.	Vĩnh viễn	

81	Hồ sơ, tài liệu về việc triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực hoạt động của VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
82	Chương trình, kế hoạch triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào trong hoạt động của ngành và VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
83	Hồ sơ điều tra, khảo sát tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, quản lý tại ngành và VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
84	Hồ sơ, tài liệu về chương trình, hệ điều hành đã và đang được áp dụng trong ngành Kiểm sát.	50 năm	
85	Hồ sơ phân tích, thiết kế và chương trình nguồn của các ứng dụng phục vụ điều hành, quản lý của VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
86	Hồ sơ đấu thầu tư vấn, thiết kế giải pháp, cung cấp thiết bị phần cứng, phần mềm và dịch vụ tin học được cấp có thẩm quyền của VKS các cấp phê duyệt.	20 năm	Sau 20 năm đánh giá lại.
87	Hợp đồng tư vấn, thiết kế giải pháp, cung cấp thiết bị phần cứng, phần mềm và dịch vụ tin học do VKS các cấp thực hiện.	20 năm	Sau 20 năm đánh giá lại.
88	Hồ sơ quản lý các dự án công nghệ thông tin, đặc biệt là quản lý xây dựng phần mềm tin học của VKS các cấp.	Vĩnh viễn	
89	Hồ sơ, tài liệu về các giải pháp kỹ thuật trong triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.	Vĩnh viễn	
90	Tài liệu tập huấn, hướng dẫn sử dụng các phần mềm trong hoạt động quản lý, điều hành.	20 năm	
91	Công văn trao đổi về công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ thông tin.	10 năm	
<b>VII. Hồ sơ, tài liệu hợp tác quốc tế.</b>			
92	Văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành về lĩnh vực hợp tác quốc tế: - Không liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc		Lưu tại đơn vị chức năng đến

	nhưng phải thực hiện. - Để biết.	khí văn bản hết hiệu lực 5 năm	
93	Kế hoạch và báo cáo tình hình hoạt động hợp tác quốc tế hàng năm của cơ quan, ngành.	Vĩnh viễn	
94	Hồ sơ đoàn ra.	20 năm	
95	Hồ sơ đoàn vào.	20 năm	
96	Hồ sơ hội nghị, hội thảo quốc tế do cơ quan chủ trì: - Đơn vị soạn thảo. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 10 năm	
97	Hồ sơ chương trình, dự án hợp tác quốc tế của cơ quan, ngành: - Đơn vị soạn thảo. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 20 năm	
98	Hồ sơ, tài liệu về xây dựng phương án và tổ chức đàm phán các hiệp định song phương, đa phương về công tác Công tố và các lĩnh vực tư pháp khác.	Vĩnh viễn	
99	Hồ sơ, tài liệu đàm phán, ký kết Điều ước quốc tế về Công tố theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tại các diễn đàn tư pháp quốc tế.	Vĩnh viễn	
<b>VIII. Hồ sơ, tài liệu thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo.</b>			
100	Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng, Nhà nước về công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo chống tham nhũng, tồi cực.	Lưu tại đơn vị chức năng đến khí văn bản hết hiệu lực	
101	Văn bản chỉ đạo của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc VKSNDTC về triển khai công tác thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong phạm vi cơ quan, ngành.	Vĩnh viễn	
102	Hồ sơ xây dựng về quy định, quy chế thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan, ngành: - Đơn vị soạn thảo.	Vĩnh viễn	

	- Đơn vị thực hiện.	20 năm	
103	- Chương trình kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo: - Hàng năm, nhiều năm. - 6 tháng.	Vĩnh viễn 05 năm	
104	Hồ sơ hội nghị tổng kết công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo: - Đơn vị chủ trì. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 05 năm	
105	Hồ sơ, tài liệu về việc tổ chức thực hiện pháp lệnh thanh tra và pháp lệnh giải quyết khiếu nại, tố cáo; luật khiếu nại tố cáo trong phạm vi cơ quan, ngành.	Vĩnh viễn	
106	Hồ sơ thanh tra vụ việc điển hình.	Vĩnh viễn	
107	Hồ sơ giải quyết khiếu nại tố cáo điển hình.	Vĩnh viễn	
108	Tài liệu về hoạt động Thanh tra nhân dân (chương trình kế hoạch, Báo cáo hàng năm.	30 năm	
109	Công văn trao đổi về công tác Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.	10 năm	
110	Sổ thu lý các loại.	50 năm	
<b>IX. Hồ sơ, tài liệu thi đua khen thưởng.</b>			
111	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo.....	lưu tại đơn vị chức năng đến khi văn bản hết hiệu lực.	
112	Hồ sơ hội nghị tổng kết công tác thi đua, tuyên truyền của VKSND các cấp và các đơn vị trực thuộc nhân các đợt kỷ niệm trọng đại của đất nước, của ngành: - Đơn vị chủ trì. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 10 năm	
113	Các quyết định khen thưởng thi đua của Nhà nước và của VKSNDTC đối với các tập thể cá nhân trong ngành kiểm sát.	Vĩnh viễn	
114	Chỉ thị, Văn bản hướng dẫn chỉ đạo công tác thi đua - Khen thưởng của VKSND các		

	<p>cấp nhân các sự kiện quan trọng của cơ quan, ngành về công tác thi đua khen thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị soạn thảo.</li> <li>- Đơn vị thực hiện.</li> </ul>	Vinh viễn 10 năm	
115	<p>Hồ sơ xây dựng quy định, quy chế thi đua khen thưởng của cơ quan, ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị soạn thảo.</li> <li>- Đơn vị thực hiện.</li> </ul>	Vinh viễn 10 năm	
116	<p>Chương trình, kế hoạch báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm, nhiều năm của ngành, của cơ quan và các đơn vị trực thuộc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị soạn thảo.</li> <li>- Đơn vị thực hiện.</li> </ul>	Vinh viễn 05 năm	
117	<p>Hồ sơ hội nghị công tác thi đua - khen thưởng của cơ quan, ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng năm nhiều năm.</li> </ul>	Vinh viễn	
118	<p>Hồ sơ về việc tổ chức và thực hiện phong trào thi đua nhân dịp kỷ niệm trong dài của đất nước, của ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị chủ trì.</li> <li>- Đơn vị tham dự.</li> </ul>	Vinh viễn 5 năm	
119	<p>Hồ sơ xây dựng tiêu chuẩn danh hiệu vinh dự của ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị soạn thảo.</li> <li>- Đơn vị thực hiện.</li> </ul>	Vinh viễn 20 năm	
120	<p>Hồ sơ xét duyệt và công nhận các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân từ chiến sỹ thi đua ngành trở lên và các danh hiệu vinh dự khác.</p>	Vinh viễn	
<b>X. Hồ sơ, tài liệu về công tác pháp chế - khoa học công tác kiểm sát.</b>			
121	<p>Chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản pháp luật hàng năm và dài hạn của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc.</p>	Vinh viễn	
122	<p>Hồ sơ, tài liệu về tổ chức triển khai thực hiện</p>	Vinh viễn	

	chương trình, kế hoạch xây dựng pháp luật sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.		
123	Hồ sơ, tài liệu về công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của VKSNDTC, các đơn vị trực thuộc và các đề xuất xử lý theo thẩm quyền.	Vĩnh viễn	
124	Báo cáo tổng kết thực tiễn công tác thi hành pháp luật trong các lĩnh vực kiểm sát: - Hàng năm, nhiều năm. - 6 tháng.	Vĩnh viễn 10 năm	
125	Hồ sơ, tài liệu về xây dựng quy chế, quy định về công tác pháp chế.	Vĩnh viễn	
126	Hồ sơ, tài liệu về rà soát, thống kê và hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc; các đề xuất và phương án xử lý kết quả.	Vĩnh viễn	
127	Hồ sơ triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung hợp tác quốc tế trong lĩnh vực pháp luật theo phân công của VKSNDTC.	Vĩnh viễn	
128	Công văn trao đổi về công tác pháp chế.	10 năm	
129	Hồ sơ tài liệu dự thảo luật, Pháp lệnh, thông tư liên ngành, giải thích luật của Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, ban ngành Trung ương gửi đến VKSTC và cơ quan trao đổi góp ý.	Vĩnh viễn	
130	Hồ sơ dự thảo bộ luật, luật, Pháp lệnh về những vấn đề kinh tế, dân sự, hình sự... công tác kiểm sát (kèm theo tờ trình) của ngành gửi lên Quốc hội, Ủy ban thương vụ Quốc hội.	Vĩnh viễn	
131	Hồ sơ, tài liệu dự thảo luật Tổ chức VKS, Pháp lệnh kiểm sát viên trình lên Quốc hội và UBTW Quốc hội và đã được phê duyệt.	Vĩnh viễn	
132	Hồ sơ hội thảo quốc tế về hoạt động công tố và tổ chức hành chính, lập pháp, tư pháp.	Vĩnh viễn	
<i>XI. Hồ sơ, tài liệu về công tác hành chính, văn thư, lưu trữ.</i>			



133	Văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành về công tác cải cách tư pháp và hành chính, văn thư, lưu trữ: - Không liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của VKSNDTC và các đơn vị trực thuộc nhưng phải thực hiện. - Để biết.	Lưu tại đơn vị chức năng đến khi văn bản hết hiệu lực 5 năm	
134	Hồ sơ, tài liệu hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản của Đảng, Nhà nước và của Viện kiểm sát tối cao về công tác cải cách hành chính tại VKSND các cấp, Văn thư, Lưu trữ	20 năm	
135	Hồ sơ, tài liệu về triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính ở VKSND các cấp: Văn bản chỉ đạo, kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm.	20 năm	
136	Kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của VKSND các cấp.	Vĩnh viễn	
137	Lưu văn bản đi hàng năm của VKSND các cấp: - Văn bản quy phạm pháp luật - Quyết định nhân sự, cá biệt. - Các báo cáo tổng hợp về các mặt hoạt động hàng năm - Công văn trao đổi nghiệp vụ hành chính thông thường.	Vĩnh viễn 20 năm 20 năm 10 năm	
138	Văn bản của Chính phủ và các bộ, ngành gửi đến VKSNDTC: - Viện kiểm sát phải thực hiện. - Để biết.	20 năm 5 năm	
139	Công văn trao đổi về công tác hành chính, Văn thư, Lưu trữ.	10 năm	
140	Văn bản chỉ , đạo hướng dẫn của cơ quan, ngành về công tác hành chính, Văn phòng, Văn thư, Lưu trữ của cơ quan.	Vĩnh viễn	
141	Hồ sơ xây dựng quy chế công tác văn thư,	Vĩnh viễn	

	lưu trữ; Bảng thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu của cơ quan, ngành.		
142	Chương trình, kế hoạch và báo cáo tổng kết công tác Văn phòng, văn thư, lưu trữ của cơ quan, ngành.	Vĩnh viễn	
143	Báo cáo thống kê tổng hợp công tác văn thư, lưu trữ và tài liệu lưu trữ của cơ quan hàng năm.	Vĩnh viễn	
144	Hồ sơ hội nghị công tác Văn phòng, văn thư, lưu trữ của cơ quan, ngành.	Vĩnh viễn	
147	Tập lưu văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ thuộc các khâu nghiệp vụ công tác kiểm sát.	Vĩnh viễn	
148	Tập lưu kết luận các vụ án hình sự.	Vĩnh viễn	
149	Tập lưu kết luận các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.	Vĩnh viễn	
150	Tập lưu kết luận các vụ án hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.	Vĩnh viễn	
151	Tập lưu kết luận điều tra các vụ án hình sự.	Vĩnh viễn	
152	Tập lưu kết luận các vụ việc khiếu nại tố cáo.		
153	Tập lưu tờ trình của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao lên Chủ tịch nước "về xét ân giảm án tử hình".	Vĩnh viễn	
154	Tập lưu trả lời thỉnh thị các Viện kiểm sát cấp dưới.	50 năm	
155	Tập lưu kháng nghị giám đốc thẩm các loại án hình sự.	Vĩnh viễn	
156	Tập lưu kháng nghị giám đốc thẩm các loại án dân sự.	Vĩnh viễn	
157	Tập lưu kết luận KSTTPT tại trại giam, trại tạm giam do Bộ công an trực tiếp quản lý.	Vĩnh viễn	
158	Tập kháng nghị, kiến nghị các công tác kiểm sát khác theo luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân.	Vĩnh viễn	

Mục B

Hồ sơ, tài liệu quản lý chuyên ngành thuộc các khâu công tác kiểm sát.

*I. Hồ sơ điều tra của cơ quan Điều tra Viên kiểm sát.*

159	Hồ sơ đặc tình tham gia điều tra các chuyên án, vụ án có các (đối tượng phạm tội trong hoạt động tư pháp) nguyên là cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước (có chức vụ từ thứ trưởng, đương đương trở lên, các cán bộ đầu ngành do cấp ủy địa phương quản lý; hoặc chuyên án vụ án có đối tượng bị xử mức án tử hình.	Vĩnh viễn	
160	Hồ sơ đặc tình còn lại.	Vĩnh viễn	
161	Hồ sơ xác minh tin báo tội phạm.	30 năm	
162	Hồ sơ vụ án hình sự.	40 năm	
163	Hồ sơ đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ bị can.	Vĩnh viễn	
164	Hồ sơ tạm đình chỉ điều tra và tạm đình chỉ điều tra bị can.	Vĩnh viễn	
165	Hồ sơ báo cáo tổng kết công tác hàng năm, nhiều năm.	Vĩnh viễn	
166	Hồ sơ tổng kết chuyên đề nghiệp vụ điều tra trong hoạt động tư pháp.	Vĩnh viễn	
167	Công văn trao đổi về công tác điều tra.	10 năm	/
168	Sổ thu lý và sổ duyệt án.	50 năm	
<i>II. Hồ sơ, tài liệu thực hiện quyền công tố và kiểm sát điều tra.</i>			
169	Hồ sơ trả lời thỉnh thị VKS cấp dưới.	30 năm	
170	Hồ sơ đình chỉ điều tra vụ án và bị can.	Vĩnh viễn	
171	Hồ sơ kiểm sát điều tra án hình sự các tội xâm phạm an ninh quốc gia.	Vĩnh viễn	
172	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội phá hoại hoà bình, chống loài người.	Vĩnh viễn	
173	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội xâm phạm hoạt động tư pháp.	Vĩnh viễn	
174	Hồ sơ KSĐT các vụ án điểm.	Vĩnh viễn	

175	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội xâm phạm tính mạng sức khoẻ nhân phẩm, danh dự con người, quyền tự do, dân chủ của công dân.	50 năm	
176	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội xâm phạm sở hữu; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; môi trường; ma tuý.	50 năm	
177	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình.	50 năm	
178	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội xâm phạm an toàn công cộng; quản lý hành chính và xâm phạm khác về chức vụ và quyền hạn.	50 năm	
179	Hồ sơ KSĐT án hình sự các tội xâm phạm về tham nhũng.	50 năm	
180	Các loại sổ thụ lý án và duyệt án.	50 năm	

**III. Hồ sơ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm.**

**A. Hồ sơ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử hình sự sơ thẩm:**

181	Hồ sơ kiểm sát xét xử hình sự về các tội được quy định tại chương XI, XXII và chương XXIV của Bộ luật hình sự năm 1999.	Vĩnh viễn	
182	Hồ sơ kiểm sát xét xử hình sự (trong đó người bị kết án chịu một trong các hình phạt sau: - Cảnh cáo. - Cải tạo không giam giữ. - Phạt tiền. - Án treo.	11 năm	Căn cứ vào các điều 23, 56, 64 BLHS năm 1999; Điều 7 Nghị định 111/2004/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ.
183	Hồ sơ KSXX hình sự mà bản án tuyên phạt tù giam ở các mức án sau: - Hồ sơ án xử phạt từ 6 tháng đến 36 tháng - Hồ sơ án xử phạt từ 36 tháng đến 4 năm - Hồ sơ án xử phạt 5 năm - Hồ sơ án xử phạt 6 năm - Hồ sơ án xử phạt 7 năm - Hồ sơ án xử phạt 8 năm	19 năm 23 năm 30 năm 31 năm 32 năm 33 năm	Căn cứ vào các điều 23, 56, 64 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 7 Nghị định 111/2004/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ án xử phạt 9 năm</li> <li>- Hồ sơ án xử phạt 10 năm</li> <li>- Hồ sơ án xử phạt 11 năm</li> <li>- Hồ sơ án xử phạt 12 năm</li> <li>- Hồ sơ án xử phạt 13 năm</li> <li>- Hồ sơ án xử phạt 14 năm</li> <li>- Hồ sơ án xử phạt 15 năm.</li> </ul>	<p>34 năm 47 năm 48 năm 49 năm 50 năm 51 năm 52 năm</p>	
184	Hồ sơ án xử phạt 16 đến 30 năm.	Vĩnh viễn	
185	Hồ sơ án chung thân, tử hình.	Vĩnh viễn	
186	Hồ sơ án tòa tuyên vô tội (oan sai).	Vĩnh viễn	
187	Hồ sơ án nguyên là anh hùng chiến sĩ, trí thức có uy tín lớn trong xã hội; trong nước, quốc tế người là chức sắc tôn giáo (từ cấp tỉnh trở lên) người bị kết án nguyên là cán bộ cao cấp của Đảng, nhà nước từ thứ trưởng trở lên, người đứng đầu ban ngành cấp tỉnh.	Vĩnh viễn	
188	Hồ sơ KSĐT điều tra các chuyên án, vụ án có đối tượng nguyên là cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và tương đương trở lên; các cán bộ đầu ngành ở cấp tỉnh; các đối tượng là nhân sỹ, trí thức có ảnh hưởng lớn trong xã hội hoặc chuyên án, vụ án có đối tượng bị xử mức án tử hình.	Vĩnh viễn	
189	Hồ sơ tham gia điều tra các chuyên án, vụ án phức tạp có đối tượng phạm tội đặc biệt nguy hiểm; Chuyên án về tội phạm hoạt động xuyên quốc gia hoặc tội phạm liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương.	Vĩnh viễn	
190	Sổ thu lý án, sổ duyệt án các loại.	50 năm	
	<b>B. Hồ sơ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm.</b>		
191	Hồ sơ giải quyết đơn.	Vĩnh viễn	
192	Hồ sơ kiểm sát xét xử sơ chung thẩm.	Vĩnh viễn	
193	Hồ sơ kiểm sát xét xử phúc thẩm các tội được quy định tại chương XI, XXII và chương XXIV của Bộ luật hình sự năm 1999	Vĩnh viễn	

194	Hồ sơ kiểm sát xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm có các hình phạt: tiền, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ và án treo.	11 năm	
195	Hồ sơ kiểm sát xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm số các mức án từ 6 tháng đến 15 năm thời hạn bảo quản như sau: - Hồ sơ án xử phạt từ 6 tháng đến 36 tháng - Hồ sơ án xử phạt từ 36 tháng đến 4 năm - Hồ sơ án xử phạt 5 năm - Hồ sơ án xử phạt 6 năm - Hồ sơ án xử phạt 7 năm - Hồ sơ án xử phạt 8 năm - Hồ sơ án xử phạt 9 năm - Hồ sơ án xử phạt 10 năm - Hồ sơ án xử phạt 11 năm - Hồ sơ án xử phạt 12 năm - Hồ sơ án xử phạt 13 năm - Hồ sơ án xử phạt 14 năm - Hồ sơ án xử phạt 15 năm.	19 năm 23 năm 29 năm 30 năm 31 năm 32 năm 33 năm 47 năm 48 năm 49 năm 50 năm 51 năm 52 năm	
196	Hồ sơ án xử phạt 16 đến 30 năm.	Vĩnh viễn	
197	Hồ sơ án chung thân, tử hình.	Vĩnh viễn	
198	Hồ sơ án tòa tuyên vô tội (oan sai).	Vĩnh viễn	
199	Hồ sơ án nguyên là anh hùng chiến sĩ, tri thức có uy tín lớn trong xã hội; trong nước, quốc tế người là chức sắc tôn giáo (từ cấp tỉnh trở lên) người bị kết án nguyên là cán bộ cao cấp của Đảng, nhà nước từ thứ trưởng trở lên, người đứng đầu ban ngành cấp tỉnh.	Vĩnh viễn	
200	Sổ thụ lý án, sổ duyệt án các loại.	50 năm	
<i>C. Hồ sơ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.</i>			
201	Hồ sơ trả lời đơn.	Vĩnh viễn	
202	Hồ sơ giải quyết khiếu nại tố cáo.	Vĩnh viễn	
203	Hồ sơ kiểm sát xét xử hình sự các vụ án giám đốc.	Vĩnh viễn	
204	Hồ sơ kiểm sát xét xử tái thẩm.	Vĩnh viễn	

205	Hồ sơ án tử hình.	Vĩnh viễn	
206	Hồ sơ chung thân.	Vĩnh viễn	
207	Hồ sơ, tài liệu Tờ trình Chủ tịch nước của Viện trưởng VKSNDTC về những trường hợp bị kết án tử hình có đơn xin tha tội chết.	Vĩnh viễn	
208	Sổ thụ lý và sổ duyệt án các loại.	50 năm	
<i>IV. Hồ sơ kiểm sát giải quyết các vụ án dân sự.</i>			
209	Hồ sơ trả lời thỉnh thị VKS cấp dưới.	15 năm	
210	Hồ sơ trả lời đơn khiếu nại của nguyên đơn, bị đơn.	20 năm	
211	Hồ sơ KS giải quyết các vụ ly hôn (giữa công dân Việt nam với người nước ngoài).	Vĩnh viễn	
212	Hồ sơ KS giải quyết tranh chấp đất đai, bất động sản giữa công dân Việt nam với nguyên đơn hoặc bị đơn và người có nghĩa vụ quyền lợi liên quan là người nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài.	Vĩnh viễn	
213	Hồ sơ kiểm sát giải quyết các vụ án tranh chấp quyền thừa kế, chia thừa kế giữa công dân Việt nam với người nước ngoài hoặc có yếu tố nước ngoài.	Vĩnh viễn	
214	Hồ sơ kiểm sát giải quyết các vụ án (trong đó nguyên đơn hoặc bị đơn) có hành vi gây thiệt hại đến tài sản và lợi ích của quốc gia.	Vĩnh viễn	
215	Hồ sơ kiểm sát về việc xác định cha hoặc mẹ cho người chưa thành niên (con ngoài giá thú).	30 năm	
216	Hồ sơ kiểm sát V/v xác định cha hoặc mẹ cho người chưa thành (con ngoài giá thú) mà cha hoặc mẹ là người nước ngoài.	40 năm	
217	Hồ sơ kiểm sát V/v xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về thể chất.	Vĩnh viễn	
218	Hồ sơ kiểm sát khởi tố các vụ án dân sự.	50 năm	
219	Hồ sơ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự của Tòa án.	Vĩnh viễn	

220	Hồ sơ kiểm sát việc thụ lý các vụ án dân sự.	50 năm	
221	Hồ sơ kiểm sát việc điều tra, xác minh, lập hồ sơ của TAND các cấp.	50 năm	
222	Hồ sơ kiểm sát việc hòa giải thành và các quyết định khác của Tòa án đối với các vụ án dân sự.	50 năm	
223	Hồ sơ KSXXDS theo thủ tục sơ thẩm các vụ án dân sự.	50 năm	
224	Hồ sơ KSXXDS theo trình tự thủ tục phúc thẩm các vụ án tranh chấp trong quan hệ hôn nhân và gia đình.	50 năm	
225	Hồ sơ KSXXDS theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm các vụ án dân sự.	50 năm	
226	Hồ sơ KSXXDS theo trình tự giám đốc thẩm các vụ án tranh chấp trong quan hệ hôn nhân và gia đình.	50 năm	
227	Hồ sơ tổng kết công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự hàng năm, nhiều năm của VKS các cấp.	50 năm	
228	Sổ thụ lý án và sổ duyệt án các loại.	50 năm	
<i>V. Hồ sơ, tài liệu kiểm sát tạm giữ, tạm giam và giáo dục cải tạo.</i>			
229	Hồ sơ, tài liệu trả lời đơn khiếu nại, tố cáo của phạm nhân.	20 năm	
230	Hồ sơ, tài liệu trả lời thỉnh thị VKS cấp dưới.	20 năm	
231	Hồ sơ báo cáo tổng kết công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam, quản lý giáo dục người chấp hành án.	Vĩnh viễn	
232	Hồ sơ kiểm sát tuân theo pháp luật tại nhà tạm giữ, tạm giam, phân trại, trại giam bất thường, thường kỳ.	30 năm	
233	Hồ sơ kiểm sát việc phạm nhân trốn khỏi nơi tạm giữ, tạm giam, phân trại, trại giam.	30 năm	
234	Hồ sơ KS việc người nghi can, can phạm, phạm nhân chết trong nhà tạm giữ, tạm giam, phân trại, trại giam.	Vĩnh viễn	
235	Hồ sơ kiểm sát việc nghi can, can phạm, phạm nhân đánh giết lẫn nhau trong trại tạm	30 năm	



	giam, tạm giữ, phân trại.		
236	Hồ sơ kiểm sát việc các bộ quản giáo đánh đập, nhục hình, tra tấn bị can, can phạm, phạm nhân trong nhà tạm giam, tạm giữ, phân trại, trại giam.	Vĩnh viễn	
	Hồ sơ Kiểm sát việc xét giảm án, tha tù, đặc xá, ân xá hàng năm của các trại giam, phân trại.	Vĩnh viễn	
<b>VI. Hồ sơ kiểm sát thi hành án.</b>			
<b>A. Hồ sơ kiểm sát thi hành án dân sự.</b>			
237	Hồ sơ KSVTTPL việc chuyển giao bản án, quyết định dân sự.	40 năm	
238	Hồ sơ KSVTTPL việc chuyển giao bản án, quyết định của tòa án.	40 năm	
239	Hồ sơ KSVTTPL việc ra quyết định THA của thủ trưởng cơ quan THA.	40 năm	
240	Hồ sơ KSVTTPL có tính căn cứ và hợp pháp các quy định THA của thủ trưởng cơ quan THA.	40 năm	
241	Hồ sơ KSTHA.	40 năm	
242	Hồ sơ KS ủy thác THA.	40 năm	
243	Hồ sơ KS việc thực thời hiệu THA.	40 năm	
244	Hồ sơ KS hoạt động và ra quyết định cưỡng chế THA của chấp hành viên.	40 năm	
245	Hồ sơ KS việc chấp hành viên kê biên đấu giá tài sản.	40 năm	
246	Hồ sơ KS việc sử lý tài sản tịch thu.	40 năm	
247	Hồ sơ KS việc chấp hành viên trừ vào thu nhập của người phải THA.	40 năm	
248	Hồ sơ KS việc chấp hành viên trừ vào tài sản của người THA do người khác giữ.	40 năm	
249	Hồ sơ KS việc chấp hành viên cưỡng chế trả nhà và tài sản.	40 năm	
250	Hồ sơ KS việc chấp hành viên buộc người phải THA thực hiện những hành vi cụ thể và chuyển trả cho người được THA những đồ	40 năm	

	vật theo quyết định của bản án.		
251	Hồ sơ KS việc chấp hành nguyên tắc tài chính trong công tác THA.	40 năm	
252	Hồ sơ KS trực tiếp nơi cưỡng chế.	40 năm	
253	Hồ sơ KS trực tiếp nơi THA.	40 năm	
254	Các loại sổ thụ lý về công tác THA.	40 năm	
<b>B. Hồ sơ kiểm sát thi hành án phạt tù.</b>			
255	Hồ sơ, tài liệu chương trình kế hoạch công tác thi hành án phạt tù: - Năm và nhiều năm - 6 Tháng.	Vĩnh viễn 10 năm	
256	Hồ sơ tài liệu báo cáo tổng kết thi hành án của ngành và của cơ quan: - Hàng năm và nhiều năm. - 6 tháng.	Vĩnh viễn 10 năm	
257	Hồ sơ hội thảo chuyên đề về công tác kiểm sát thi hành án: - Đơn vị chủ trì. - Đơn vị tham dự.	Vĩnh viễn 5 năm	
258	Hồ sơ KSTIPT cơ quan thi hành án.	Vĩnh viễn	
259	Hồ sơ KS truy thác thi hành án.	40 năm	
260	Hồ sơ kiểm sát xét miễn chấp hành hình phạt khác (cải tạo không giam giữ, người bị kết án được hưởng án treo giảm thời hạn thử thách, các hình phạt bổ sung, cấm cư trú, quản chế).	40 năm	
261	Hồ sơ kiểm sát giảm án, tha trước thời hạn.	40 năm	
262	Hồ sơ kiểm sát TTPL xóa án tích.	40 năm	
263	Hồ sơ trả lời khiếu nại tố cáo của bị án.	40 năm	
264	Hồ sơ án xá, đặc xá.	40 năm	
265	Hồ sơ kiểm sát việc TTPL việc thực hiện thời hiệu THA của cơ quan thi hành án.	40 năm	
266	Hồ sơ KSVTTPL của TA trong việc cho hoãn THA.	40 năm	
267	Hồ sơ KSVTHA tử hình.	Vĩnh viễn	

268	Các loại sổ thụ lý trong công tác THA.	40 năm	
<b>VII. Hồ sơ, tài liệu Kiểm sát xét xử HC- KT- LD</b>			
269	Hồ sơ báo cáo tổng kết công tác kiểm sát án hành chính, kinh tế, lao động, hàng năm, nhiều năm.	Vĩnh viễn	
270	Hồ sơ, tài liệu trả lời thỉnh thị Viện kiểm sát cấp dưới.	50 năm	
271	Hồ sơ trả lời đơn của các cơ quan ngôn luận thông tấn báo chí, của đại biểu quốc hội, các đoàn đại biểu quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.	Vĩnh viễn	
272	Hồ sơ kiểm sát khởi tố các vụ án, án hành chính, kinh tế, lao động.	Vĩnh viễn	
273	Hồ sơ kiểm sát án hành chính, kinh tế, lao động có nhân tố nước ngoài.	Vĩnh viễn	
274	Hồ sơ các vụ án xâm phạm nghiêm trọng đến quyền của người chưa thành niên hoặc của người có nhược điểm về thể chất.	Vĩnh viễn	
275	Hồ sơ kiểm sát việc giải quyết các vụ án HC- KT- LD của Tòa án.	Vĩnh viễn	
276	Hồ sơ KS việc điều tra, xác minh, lập hồ sơ của TA nhân dân các cấp.	Vĩnh viễn	
277	Hồ sơ KS hoà giải thành và các quyết định khác của TA đối với các vụ án HC- KT- LD.	Vĩnh viễn	
278	Hồ sơ KS XX các vụ án HC- KT- LD theo thủ tục sơ thẩm.	Vĩnh viễn	
279	Hồ sơ KSXX các vụ án HC- KT- LD theo thủ tục PT.	Vĩnh viễn	
280	Hồ sơ KSXX các vụ án HC- KT- LD theo thủ tục giám đốc thẩm.	Vĩnh viễn	
281	Các sổ thụ lý án và các sổ duyệt án.	50 năm	
<b>VIII. Tài liệu văn bản có giá trị tạm thời.</b>			
282	Các cáo trạng của VKS cấp dưới gửi lên Viện kiểm sát cấp trên thay báo cáo: - VKSND cấp tỉnh gửi VKSNDTC. - VKSND cấp huyện gửi VKSND cấp tỉnh.	3 năm 3 năm	

283	<p>Án văn xét xử dân sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- VKSND cấp tỉnh gửi VKSNDTC.</li> <li>- VKSND cấp huyện gửi VKSND cấp tỉnh.</li> </ul>	<p>3 năm</p> <p>3 năm</p>	
284	<p>Các văn bản của VKSND cấp dưới gửi VKSND cấp trên. Bao gồm các văn bản thuộc "danh mục A và B" Ban hành kèm theo Quy chế về thông tin báo cáo quản lý công tác trong ngành KSND (ban hành kèm theo quyết định số: 169/2004/QĐ - VKSNDTC ngày 20/12/2004 của Viện trưởng VKSNDTC):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Những văn bản xử lý tiếp.</li> <li>- Những văn bản sau khi xử lý thông tin không khai thác tiếp.</li> </ul>	<p>Bảo quản theo thời gian của hồ sơ.</p> <p>5 năm</p>	
<b>IX. Hồ sơ, tài liệu Cục thống kê tội phạm.</b>			
285	<p>Hồ sơ tài liệu chương trình công tác thống kê tội phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm và nhiều năm.</li> <li>- 6 tháng.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>10 năm</p>	
286	<p>Hồ sơ báo cáo thống kê tội phạm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm và nhiều năm.</li> <li>- 6 tháng.</li> <li>- Tháng.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>10 năm</p> <p>5 năm</p>	
<b>X. Hồ sơ, tài liệu kiểm sát việc giải quyết khiếu nại - tố cáo.</b>			
287	<p>Hồ sơ báo cáo tổng kết về công tác kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm và nhiều năm.</li> <li>- 6 tháng.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>10 năm</p>	
288	<p>Hồ sơ về chương trình, kế hoạch công tác kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm và nhiều năm.</li> <li>- 6 tháng.</li> </ul>	<p>Vĩnh viễn</p> <p>10 năm</p>	
289	<p>Hồ sơ giải quyết khiếu nại, thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát.</p>	<p>40 năm</p>	

290	Hồ sơ kiểm sát khiếu nại tố cáo các vi phạm dân chủ.	40 năm	
291	Hồ sơ kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp.	40 năm	
292	Sổ theo dõi và quản lý đơn khiếu nại, tố cáo.	40 năm	
<b>Mục C</b>			
<b>Tài liệu, phim ảnh, ghi âm, ghi hình.</b>			
<b>I. Tài liệu phim, băng ghi hình (điện ảnh).</b>			
293	Những phim, băng ghi hình đề cập đến các sự kiện lịch sử, phát triển của ngành.	Vĩnh viễn	
294	Những băng ghi hình về hoạt động của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với ngành Kiểm sát hoặc đến thăm và làm việc với VKSND các cấp.	Vĩnh viễn	
<b>II. Tài liệu về ảnh.</b>			
295	Các sự kiện lịch sử, phản ánh sự phát triển của ngành.	Vĩnh viễn	
296	Hoạt động của các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước đối với ngành KSND.	Vĩnh viễn	
297	Các bức ảnh chụp các đồng chí lãnh đạo Viện, các đại biểu đọc tham luận... tại các hội nghị tổng kết công tác, hội nghị thi đua của ngành KSND.	Vĩnh viễn	
298	Các bức ảnh trong các vụ việc (vụ án).	Vĩnh viễn	
<b>III. Tài liệu ghi âm.</b>			
299	Những văn kiện ghi lại tiếng nói của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước tới, thăm và phát biểu tại các hội nghị, các cuộc họp của ngành KSND.v.v.	Vĩnh viễn	
300	Những văn kiện ghi âm ngừng tiếng nói của các đồng chí lãnh đạo viện đề cập tới các vấn đề hình sự, khoa học, thực tiễn khác.	Vĩnh viễn	
301	Những văn kiện ghi âm ghi lại những sự việc liên quan đến những vụ việc (vụ án) quan trọng.	Vĩnh viễn	

Mục D

Tài liệu hoạt động của cơ quan báo chí thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

302	Bản gốc của các tác giả.	05 năm	
303	Bản đánh máy bài viết.	03 năm	
304	Danh mục và bài duyệt đăng.	03 năm	
305	Bản bông của ma kết án phẩm.	03 năm	
306	Ma kết án phẩm.	05 năm	

Mục E

Tài liệu về hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên trong cơ quan.

I. Tài liệu về hoạt động của các tổ chức Đảng (Đảng bộ, Đảng ủy).

307	Chỉ thị, Nghị quyết và các văn kiện về lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ (gửi chung cho các tổ chức Đảng): - Các tổ chức Đảng phải thực hiện.  - Để biết.	Lưu tại các tổ chức Đảng đến khi văn bản hết hiệu lực. 5 năm	
308	Tài liệu chỉ đạo công tác chuyên môn của tổ chức Đảng: - Liên quan chức năng nhiệm vụ. - Không liên quan chức năng nhiệm vụ.	Vĩnh viễn 50 năm	
309	Hồ sơ Đại hội Đảng bộ cơ quan, các Đảng bộ trực thuộc và các chi bộ trực thuộc.	Vĩnh viễn	
310	Chương trình và báo cáo tổng kết hàng năm của tổ chức Đảng.	Vĩnh viễn	
311	Kế hoạch và báo cáo thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết, các cuộc vận động lớn tổ chức Đảng.	Vĩnh viễn	
312	Tài liệu chủ yếu về công tác tổ chức của tổ chức Đảng.	Vĩnh viễn	